

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Tuần từ ngày 09 tháng 04 năm 2020 đến ngày 15 tháng 04 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Đồng Xoài	22,0	43,7	- 59,9	- 79,2	- 67,8	- 76,1	-	21,4
Bình Long	38,8	41,2	- 31,9	- 35,2	- 64,2	- 81,3	-	8,7
Bù Đăng	0,0	37,4	- 61,6	- 57,8	- 77,7	- 81,3	-	12,3
Bù Đốp	3,4	18,8	- 69,6	- 56,3	- 74,2	- 83,8	-	12,8
Lộc Ninh	0,0	1,4	- 97,0	- 97,1	- 99,0	- 99,3	-	11,9
Phước Hòa	29,8	75,5	+ 7,8	+ 22,0	+ 10,7	- 69,2	+ 1.615	16,0
Phước Long	0,5	0,5	- 99,5	- 97,2	- 99,6	- 99,7	- 97,5	11,7
Trị An	0,0	10,3	- 83,5	- 86,7	- 89,1	- 94,9	-	12,1
Trung bình	11,8	28,6	- 61,9	- 60,9	- 70,1	- 85,7	+ 759,2	13,4

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích tuần qua trung bình tại các trạm đo thấp hơn TBNN 61,9%, thấp hơn so với năm 2019 là 60,9%, thấp hơn so với năm 2018 là 70,1%, thấp hơn 85,7% so với năm 2017 và cao hơn 759,2% so với năm 2016. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Bình Long (38,8 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại các trạm Bù Đăng, Trị An (0 mm).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 13,4 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Suối Giai	21,3	15,76	74,01	- 7,0	+ 5,8	- 6,3	- 15,4	<i>Giảm</i>	68,00
Hồ NT6	2,75	2,28	82,87	- 5,3	- 10,4	- 3,7	- 15,3	<i>Giảm</i>	73,46
Hồ NT9	1,97	1,64	83,24	+ 3,2	0	- 5,4	- 10,6	<i>Giảm</i>	61,11
Hồ NT8	1,3	1,06	81,85	+ 1,1	+ 24,9	- 2,2	- 17,9	<i>Giảm</i>	63,70
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,59	91,44	+ 7,6	+ 2,4	+ 3,2	- 2,0	<i>Giảm</i>	69,59
Hồ Lộc Quang	5,826	3,46	59,35	- 18,2	- 18,0	- 14,1	- 24,6	<i>Giảm</i>	67,64
Hồ Tân Lợi	2,87	2,45	85,47	- 4,1	- 2,5	- 9,6	- 14,2	<i>Giảm</i>	74,12
Hồ Suối Ông	0,386	0,11	27,46	- 63,6	+ 9,4	- 70,2	- 72,4	<i>Giảm</i>	40,01
Hồ Bầu Úm	1,58	1,03	65,30	- 23,5	- 6,5	- 28,2	- 34,5	<i>Giảm</i>	68,62
Hồ NT 4	2,615	2,29	87,65	+ 0,8	- 5,2	- 5,2	+ 0,9	<i>Giảm</i>	76,88
Đập Thọ Sơn	0,963	0,69	71,14	- 18,1	- 24,0	- 27,1	- 20,3	<i>Giảm</i>	73,46
Hồ Đồng Xoài	9,66	5,03	52,08	- 21,3	- 15,2	- 21,6	- 32,7	<i>Giảm</i>	55,01
Hồ Bù Môn	0,2	0,11	54,35	- 14,7	+ 56,2	+ 117,4	- 45,5	<i>Giảm</i>	62,28
Hồ Sa Cát	1,327	1,13	85,05	- 0,5	- 6,2	- 8,1	- 12,9	<i>Giảm</i>	68,98
Hồ An Khương	2,6	0,90	34,67	- 42,4	- 40,7	- 45,7	- 48,6	<i>Giảm</i>	42,77
Hồ Ông Thoại	1,765	1,56	88,47	+ 7,9	0	0	+ 8,1	<i>Giảm</i>	64,56
Hồ Càn Đơn	165,49	115,58	69,84	- 20,7	+ 3,7	- 15,5	- 26,1	<i>Giảm</i>	78,93
Trung bình/Tổng	224,342^(*)	156,67	69,84	- 12,9	- 1,5	- 8,4	- 22,6		75,33

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là **224,342** triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 08/04/2020 ở mức khá so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 156,67 triệu m³ (đạt 69,84% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ các năm 2017, năm 2018, năm 2019 và TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% DTKK như: hồ Suối Ông (27,46% DTTK) và hồ An Khương (34,67% DTTK).

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 4 của vụ Đông Xuân 2019-2020 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **2,69** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020				
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 4 cho vụ Đông Xuân 2019-2020 (10 ⁶ m ³)
		Lúa	Rau màu	Cây CNĐN	Thủy sản	
Tổng cộng		708,00	81,98	1.283,0	23	2,69
1	Hồ Suối Giai	74,0	82,0	126,0	5	0,15
2	Hồ NT6			11		0,01
3	Hồ NT9			29		0,02
4	Hồ NT8			25		0,02
5	Hồ NT2 - Đ7			51		0,04
6	Hồ Lộc Quang	270		260	7	0,37
7	Hồ Tân Lợi			70		0,16
8	Hồ Suối Ông	10			1	0,01
9	Hồ Bàu Úm	4			2	0,01
10	Hồ NT 4			120		0,09
11	Đập Thọ Sơn			63		0,08
12	Hồ Đồng Xoài	15		44	6	0,95
13	Hồ Bù Môn	55				0,03
14	Hồ Sa Cát			20		0,11
15	Hồ An Khương	120		33	2	0,09
16	Hồ Ông Thoại			31		0,14
17	Hồ Cần Đơn	160		400		0,41

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 4 năm 2019 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Suối Giai	0,33
2	Hồ NT6	0,17
3	Hồ NT9	0,14
4	Hồ NT8	0,34
5	Hồ NT2 - Đ7	0,06
6	Hồ Lộc Quang	0,22
7	Hồ Tân Lợi	0,24
8	Hồ Suối Ông	0,04
9	Hồ Bàu Úm	0,07
10	Hồ NT 4	0,24
11	Đập Thọ Sơn	0,04
12	Hồ Đồng Xoài	0,40
13	Hồ Bù Môn	1,40
14	Hồ Sa Cát	0,09
15	Hồ An Khương	0,16
16	Hồ Ông Thoại	0,11
17	Hồ Cần Đơn	30,05

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 4 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 09/04/2020 đến ngày 15/04/2020 như sau:

- **17/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bàu Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Cồn Đơn, hồ Bù Môn.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2019-2020 từ ngày 09/04/2020 đến 15/04/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	74,01	287	72,96	100	287	Đủ nước
Hồ NT6	82,87	11	80,73	100	11	Đủ nước
Hồ NT9	83,24	29	80,36	100	29	Đủ nước
Hồ NT8	81,85	25	78,22	100	25	Đủ nước
Hồ NT2 - Đ7	91,44	51	89,73	100	51	Đủ nước
Hồ Lộc Quang	59,35	537	57,07	100	537	Đủ nước
Hồ Tân Lợi	85,47	70	83,28	100	70	Đủ nước
Hồ Suối Ông	27,46	11	23,15	100	11	Đủ nước
Hồ Bàu Úm	65,30	6	63,79	100	6	Đủ nước
Hồ NT 4	87,65	120	86,28	100	120	Đủ nước
Đập Thọ Sơn	71,14	63	68,25	100	63	Đủ nước
Hồ Đồng Xoài	52,08	65	49,16	100	65	Đủ nước
Hồ Bù Môn	54,35	55	47,83	100	55	Đủ nước
Hồ Sa Cát	85,05	20	83,18	100	20	Đủ nước
Hồ An Khương	34,67	155	32,02	100	155	Đủ nước
Hồ Ông Thoại	88,47	31	86,17	100	31	Đủ nước
Hồ Cồn Đơn	69,84	560	71,23	100	560	Đủ nước
Trung bình/Tổng	69,84	2.096,0^(*)	70,35	100	2.096,0^(*)	

Ghi chú: ^(*) Giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đẳng	12,2	+ 5,9	- 90	- 98	Rủi ro hạn cao
	Đăk Ô – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riêng					
	Đakia – Bù Đốp					

Đồng Xoài	Đồng Tâm – Đồng Phú	65,1	-	- 51	- 83	Rủi ro hạn thấp
	Minh Hưng – Chơn Thành					
Trung bình		38,6	+ 5,9	- 71	- 90	Có nguy cơ xảy ra hạn

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 71%, cao hơn 5,9% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Tuần qua, trong ngày 08/4 một số trạm có mưa trái mùa với lượng mưa nhỏ đến mưa vừa như: trạm Đồng Xoài 22 mm; trạm Bình Long 38,8 mm; trạm Bù Đốp 3,4 mm (tỉnh Bình Phước) đã bổ sung lượng nước kịp thời chống hạn cho SXNN ở những khu vực này. Tuy nhiên, một số trạm khác có lượng mưa đo được từ đầu năm đến nay không đáng kể (phổ biến không mưa), các biệt là trạm Phước Long đã hơn 4 tháng không mưa. ***Có nguy cơ xảy ra hạn hán đối với khu vực sản xuất nông nghiệp nằm ngoài khu tưới các công trình thủy lợi.*** Khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước, nạo vét, khơi thông dòng chảy sông, suối nhằm tận dụng triệt để nguồn nước mặt trữ vào ao, bầu; hỗ trợ khuyến khích xây dựng bể chứa nước hộ gia đình, đào ao trữ nước ở những vùng khô hạn. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
2.096	707,9955	1.388					

Hiện tại, tỉnh Bình Phước có khoảng 639 ha diện tích cây trồng vùng ngoài khu tưới công trình thủy lợi đang bị ảnh hưởng bởi hạn hán, tập trung ở các huyện: Lộc Ninh 81,2 ha (26,6 ha Lúa, 1,8 ha cây hàng năm khác, 22,9 ha Tiêu và 29,9 ha cây ăn trái và cây lâu năm khác); Bình Long 250 ha (27,8 ha Lúa, 30 ha cây hàng năm khác, 22,6 ha Tiêu, 204 ha cây ăn trái và cây lâu năm khác); Bù Gia Mập 80 ha (47 ha Tiêu, 17 ha cà phê, 15,8 ha cây ăn trái và cây lâu năm khác); Hớn Quản 41 ha và Bù Đăng 152 ha.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 15/04/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 157,82 triệu m³ (chiếm 70,35% so với dung tích trữ thiết kế).

Nguồn nước tại 17/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 15/04/2020 không thay đổi.

Hiện tại, khu vực trong giai đoạn cao điểm mùa khô 2019-2020, để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ đến vụ Đông Xuân 2019-2020 và cả vụ Hè Thu 2020, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. **(2)** Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; **(3)** Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất. **(4)** Giai đoạn thiếu nước gay gắt vào tháng 4, cần lập kế hoạch phối hợp với các nhà máy thủy điện trên sông Bé, như: Thác Mơ, Cần Đơn, Sok Phu Miêng để tăng xả qua phát điện tạo nguồn nước cho hạ du.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 16/04/2020 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG